

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

Phụ lục 1

PHƯƠNG PHÁP TÍNH ĐIỂM BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ
CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG CẤP HUYỆN NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)

TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Thang điểm	CÁCH TÍNH ĐIỂM	Điểm tự đánh giá	YÊU CẦU TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG (Thời gian từ ngày 16/12/2022 đến ngày 31/12/2023)
TỔNG ĐIỂM (A+B+C+D)	100			
A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN	25			
A.1. Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN	10			
A.1.1. Ban hành kế hoạch PCTN năm 2023	2	- UBND cấp huyện có ban hành kế hoạch PCTN năm 2023: 2 điểm. - Không ban hành kế hoạch: 0 điểm.		Kế hoạch PCTN năm 2023 của UBND cấp huyện
A.1.2. Nội dung kế hoạch PCTN năm 2023	4			
A.1.2.1. Triển khai thực hiện các văn bản của các cơ quan ở TW về PCTN	1	<i>Trong kế hoạch PCTN năm 2023:</i> - Có nội dung triển khai thực hiện các văn bản của UBND tỉnh về PCTN: 1 điểm. - Không có nội dung triển khai thực hiện các văn bản của UBND tỉnh về PCTN: 0 điểm.		Kế hoạch PCTN năm 2023 của UBND cấp huyện
A.1.2.2. Kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL về PCTN	0,5	<i>Trong kế hoạch PCTN năm 2023:</i> - Có nội dung kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN: 0,5 điểm. - Không có nội dung kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN: 0 điểm.		Kế hoạch PCTN năm 2023 của UBND cấp huyện

TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Thang điểm	CÁCH TÍNH ĐIỂM	Điểm tự đánh giá	YÊU CẦU TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG (Thời gian từ ngày 16/12/2022 đến ngày 31/12/2023)
A.1.2.3. Xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN	0,5	<p>Trong kế hoạch PCTN năm 2023:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có nội dung xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN: 0,5 điểm. - Không có nội dung xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN: 0 điểm. 		Kế hoạch PCTN năm 2023 của UBND cấp huyện
A.1.2.4. Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN	0,5	<p>Trong kế hoạch PCTN năm 2023:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có nội dung tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN: 0,5 điểm. - Không có nội dung tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN: 0 điểm. 		Kế hoạch PCTN năm 2023 của UBND cấp huyện
A.1.2.5. Kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản QPPL về PCTN	0,5	<p>Trong kế hoạch PCTN năm 2023:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có nội dung kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN: 0,5 điểm. - Không có nội dung kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN: 0 điểm. 		Kế hoạch PCTN năm 2023 của UBND cấp huyện
A.1.2.6. Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch PCTN 2023	1	<p>Trong kế hoạch PCTN năm 2023:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có nội dung kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch PCTN: 1 điểm. - Không có nội dung kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch PCTN: 0 điểm. 		Kế hoạch PCTN năm 2023 của UBND cấp huyện

TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Thang điểm	CÁCH TÍNH ĐIỂM	Điểm tự đánh giá	YÊU CẦU TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG (Thời gian từ ngày 16/12/2022 đến ngày 31/12/2023)
A.1.3 Chế độ báo cáo công tác PCTN, tiêu cực định kỳ	4	Việc thực hiện chế độ báo cáo công tác PCTN, tiêu cực của UBND huyện: - Có báo cáo PCTN, tiêu cực Quý I đúng thời hạn: 1 điểm. - Có báo cáo PCTN, tiêu cực Quý II và 06 tháng đúng thời hạn: 1 điểm. - Có báo cáo PCTN, tiêu cực Quý III và 09 tháng đúng thời hạn: 1 điểm. - Có báo cáo PCTN, tiêu cực Quý IV và năm 2023 đúng thời hạn: 1 điểm. <i>Lưu ý: Có báo cáo nhưng không đúng thời hạn vẫn không được tính điểm</i>		Liệt kê các báo cáo định kỳ về PCTN, tiêu cực đúng thời hạn đã thực hiện
A.2. Đánh giá việc các phòng, ban, xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện thực hiện kế hoạch PCTN của cấp huyện	15			Liệt kê danh sách chi tiết các phòng, ban, cấp xã, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện: 1. Các phòng:..... 2. Các đơn vị cấp xã:..... 3. Các ban, cơ quan, đơn vị khác thuộc UBND cấp huyện:..... Tổng số:
A.2.1. Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	4			
A.2.1.1. Ban hành kế hoạch	1	<i>(Số lượng phòng, ban, các đơn vị cấp xã, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện ban hành kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật về PCTN/ Tổng số phòng, ban, các đơn vị cấp xã, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện) x 1 = điểm.</i>		Liệt kê chi tiết danh sách các phòng, ban, các đơn vị cấp xã, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện đã ban hành kế hoạch:

TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Thang điểm	CÁCH TÍNH ĐIỂM	Điểm tự đánh giá	YÊU CẦU TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG (Thời gian từ ngày 16/12/2022 đến ngày 31/12/2023)
A.2.1.2. Kết quả thực hiện	3	<i>(Số lượng phòng, ban, các đơn vị cấp xã, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện có văn bản báo cáo kết quả thực hiện/ Tổng số phòng, ban, các đơn vị cấp xã, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện) x 3 = điểm.</i>		<i>Liệt kê chi tiết danh sách các phòng, ban, các đơn vị cấp xã, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện đã ban hành kế hoạch:</i>
A.2.2. Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN.	4			
A.2.2.1. Ban hành kế hoạch	1	<i>(Số lượng phòng, ban, đơn vị cấp xã, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện ban hành kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN/ Tổng số phòng, ban, đơn vị cấp xã, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện) x 1 = điểm.</i>		<i>Liệt kê chi tiết danh sách các phòng, ban, các đơn vị cấp xã, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện đã ban hành kế hoạch:</i>
A.2.2.2. Kết quả thực hiện	3	<i>(Số lượng phòng, ban, đơn vị cấp xã, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện có văn bản báo cáo kết quả thực hiện / Tổng số phòng, ban, đơn vị cấp xã, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện) x 3 = điểm.</i>		<i>Liệt kê chi tiết danh sách các phòng, ban, các đơn vị cấp xã, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện đã ban hành kế hoạch:</i>
A.2.3. Kết quả thực hiện việc kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	2	<i>(Số lượng phòng, ban, đơn vị cấp xã, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện có văn bản báo cáo kết quả thực hiện / Tổng số phòng, ban, các đơn vị cấp xã, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện) x 2 = điểm.</i>		<i>Liệt kê chi tiết danh sách các phòng, ban, các đơn vị cấp xã, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện đã ban hành kế hoạch:</i>

TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Thang điểm	CÁCH TÍNH ĐIỂM	Điểm tự đánh giá	YÊU CẦU TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG (Thời gian từ ngày 16/12/2022 đến ngày 31/12/2023)
<p>A.2.4. Tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp huyện: Theo quy định tại Khoản 5, Điều 13 Luật Tiếp công dân: “5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trực tiếp tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân cấp huyện ít nhất 02 ngày trong 01 tháng và thực hiện việc tiếp công dân đột xuất trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 18 của Luật này”.</p>	2	(Số tháng tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp huyện /12 tháng) x 2 = ... điểm.		Liệt kê thông báo, lịch, biên bản,... thể hiện số tháng tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp huyện theo quy định của Luật Tiếp công dân:
<p>A.2.5. Tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp xã: Theo quy định tại Khoản 2, Điều 15 Luật Tiếp công dân: “5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân cấp xã ít nhất 04 ngày trong 01 tháng và thực hiện việc tiếp công dân đột xuất trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 18 của Luật này”.</p>	1	(Số lượng Chủ tịch UBND cấp xã tiếp dân đầy đủ theo quy định tại khoản 2, Điều 15 Luật Tiếp công dân/Tổng số Chủ tịch UBND cấp xã) x 1 = ... điểm.		Liệt kê danh sách Chủ tịch UBND cấp xã tiếp công dân đầy đủ theo quy định:.....
<p>A.2.6. Việc chỉ đạo của Chủ tịch UBND cấp huyện xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng.</p>	2	(Số vụ việc được Chủ tịch UBND huyện có văn bản chỉ đạo xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng/ Tổng số các vụ việc công dân tố cáo, kiến nghị, phản ánh về tham nhũng; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng gửi tới Chủ tịch UBND cấp huyện) x 2 = điểm.		<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê các văn bản của Chủ tịch UBND cấp huyện chỉ đạo giải quyết, xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng:... - Liệt kê tổng số các vụ việc công dân tố cáo, kiến nghị, phản ánh về tham nhũng:.... - Liệt kê tổng số các vụ việc có kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng:... - Cùng báo cáo công tác PCTN của UBND huyện năm 2023
<p>B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG TRONG CQ, TC, KHU VỰC NHÀ NƯỚC</p>	30			

TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Thang điểm	CÁCH TÍNH ĐIỂM	Điểm tự đánh giá	YÊU CẦU TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG (Thời gian từ ngày 16/12/2022 đến ngày 31/12/2023)
<p>B.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định tại Điều 10 của Luật PCTN 2018.</p> <p>“Điều 10. Nội dung công khai, minh bạch</p> <p>1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị phải công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật về các nội dung sau đây:</p> <p>a) Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức; người lao động; cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang và công dân;</p> <p>b) Việc bố trí, quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công hoặc kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác;</p> <p>c) Công tác tổ chức cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn;</p> <p>d) Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản này mà theo quy định của pháp luật phải công khai, minh bạch.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác ngoài nội dung công khai, minh bạch quy định tại khoản 1 Điều này còn phải công khai, minh bạch về thủ tục hành chính”.</p>	6	(Số lượng phòng, ban, các đơn vị cấp xã, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện đã thực hiện công khai, minh bạch đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 10 Luật PCTN 2018/ Tổng số phòng, ban, các đơn vị cấp xã, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện) x 6 = điểm		Liệt kê danh sách phòng, ban, các đơn vị cấp xã, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện thực hiện công khai, minh bạch đầy đủ theo quy định:....
B.2. Kết quả thực hiện cải cách hành chính (PAR năm 2023)	1	Quy đổi từ điểm số cải cách hành chính do Bộ Nội vụ công bố (PAR index 2023). (Điểm PAR của UBND cấp tỉnh năm 2023) / 100 điểm.		Điểm số cải cách hành chính do Sở Nội vụ công bố (PAR index 2023)
B.3. Kết quả thực hiện chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI năm 2023)	1	Điểm đánh giá chuyển đổi số (DTI) huyện đạt được năm 2023		Điểm đánh giá chuyển đổi số cấp tỉnh DTI năm 2023 do Sở Thông tin và Truyền thông công bố.

TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Thang điểm	CÁCH TÍNH ĐIỂM	Điểm tự đánh giá	YÊU CẦU TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG (Thời gian từ ngày 16/12/2022 đến ngày 31/12/2023)
B.4. Kết quả thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt	2	<ul style="list-style-type: none"> - UBND huyện ban hành kế hoạch hoặc văn bản triển khai thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt: 1 điểm. - UBND huyện có báo cáo kết quả thực hiện: 1 điểm. 		<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch hoặc lồng ghép các nội dung về phát triển thanh toán không dùng tiền mặt thanh toán không dùng tiền mặt vào các đề án, dự án, kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương mình. - Báo cáo kết quả thực hiện năm 2023.
B.5. Kết quả thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn (ĐM, CD, TC)	3			
B.5.1. Việc ban hành văn bản triển khai thực hiện	1	<i>(Số lượng phòng, ban, các đơn vị cấp xã, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện ban hành văn bản triển khai thực hiện kiểm tra việc thực hiện ĐM, CD, TC/ Tổng số phòng, ban, các đơn vị cấp xã, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện) x 1 = điểm.</i>		<i>Liệt kê chi tiết danh sách các phòng, ban, các đơn vị cấp xã, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện đã ban hành văn bản triển khai thực hiện kiểm tra việc thực hiện ĐM, CD, TC:</i>
B.5.2. Kết quả thực hiện	2	<i>(Số lượng phòng, ban, các đơn vị cấp xã, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện báo cáo kết quả kiểm tra việc thực hiện ĐM, CD, TC/ Tổng số phòng, ban, các đơn vị cấp xã, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện) x 2 = điểm.</i>		<i>Liệt kê chi tiết danh sách các phòng, ban, các đơn vị cấp xã, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện báo cáo kết quả kiểm tra việc thực hiện ĐM, CD, TC:</i>
B.6. Kết quả thực hiện kiểm soát xung đột lợi ích (XĐLI)	4			
B.6.1. Việc ban hành văn bản triển khai thực hiện	1	<i>(UBND cấp huyện có ban hành văn bản triển khai thực hiện rà soát XĐLI): 1 điểm. Không ban hành: 0 điểm.</i>		<i>Liệt kê chi tiết danh sách các phòng, ban, các đơn vị cấp xã, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện đã ban hành văn bản triển khai thực hiện tổ chức rà soát XĐLI:</i>

TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Thang điểm	CÁCH TÍNH ĐIỂM	Điểm tự đánh giá	YÊU CẦU TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG (Thời gian từ ngày 16/12/2022 đến ngày 31/12/2023)
B.6.2. Kết quả thực hiện	1	(Số phòng, ban, UBND cấp xã, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện báo cáo kết quả rà soát XDLI/ Tổng số phòng, ban, UBND cấp xã, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện) x 1 = điểm.		Liệt kê chi tiết danh sách các phòng, ban, các đơn vị cấp xã, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện đã báo cáo kết quả rà soát XDLI:
B.6.3. Kết quả giải quyết XDLI	2	<ul style="list-style-type: none"> - Giải quyết 1 vụ: Được tính 0,2 điểm. - Giải quyết 2 vụ: Được tính 0,4 điểm. - Giải quyết 3 vụ: Được tính 0,6 điểm. - Giải quyết 4 vụ: Được tính 0,8 điểm - Giải quyết trên 5 vụ: Được tính 2 điểm. 		Liệt kê chi tiết các vụ việc XDLI đã được giải quyết năm 2023:
B.7. Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức	3			
B.7.1. Việc ban hành kế hoạch	1	UBND cấp huyện có ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác: 1 điểm. Không ban hành: 0 điểm.		Liệt kê chi tiết danh sách các phòng, ban, các đơn vị cấp xã, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện đã ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác:
B.7.2. Kết quả thực hiện	2	UBND huyện có báo cáo kết quả việc thực hiện chuyển đổi vị trí công tác: 2 điểm. Không có báo cáo: 0 điểm.		Liệt kê chi tiết danh sách các phòng, ban, các đơn vị cấp xã, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện báo cáo kết quả chuyển đổi vị trí công tác:
B.8. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử	2	<ul style="list-style-type: none"> - UBND huyện có báo cáo việc thực hiện quy tắc ứng xử: 2 điểm. - Không có báo cáo: 0 điểm. 		Liệt kê chi tiết danh sách các phòng, ban, các đơn vị cấp xã, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện báo cáo việc thực hiện quy tắc ứng xử:
B.9. Kết quả thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)	3			

TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Thang điểm	CÁCH TÍNH ĐIỂM	Điểm tự đánh giá	YÊU CẦU TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG (Thời gian từ ngày 16/12/2022 đến ngày 31/12/2023)
B.9.1. Ban hành kế hoạch kê khai, công khai bản kê khai TSTN.	1	UBND cấp huyện có ban hành kế hoạch hoặc văn bản triển khai: 1 điểm. Không ban hành: 0 điểm.		Liệt kê danh sách phòng, ban, các đơn vị cấp xã, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện ban hành kế hoạch kê khai, công khai bản kê khai TSTN:
B.9.2. Kết quả kê khai, công khai bản kê khai TSTN	2	(Số lượng phòng, ban, các đơn vị cấp xã, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện hoàn thành kê khai, công khai bản kê khai TSTN đúng quy định / Tổng số phòng, ban, các đơn vị cấp xã, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện) x 2 = điểm.		Liệt kê danh sách phòng, ban, các đơn vị cấp xã, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện hoàn thành kê khai, công khai bản kê khai TSTN đúng quy định:
B.10. Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/TTg ngày 22/4/2019 của TTg CP Về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc (Chỉ thị 10)	5			
B.10.1. Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị 10	1	- UBND cấp huyện có ban hành kế hoạch thực hiện Chỉ thị 10: 1 điểm. - Không ban hành: 0 điểm.		Liệt kê văn bản do UBND cấp huyện ban hành:
B.10.2. Việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh về tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc	1	(Số vụ việc kiến nghị, phản ánh đã được xử lý/ Tổng số vụ việc kiến nghị, phản ánh đã tiếp nhận) x 1 = điểm. Không có trường hợp xử lý: 0 điểm.		- Liệt kê các vụ việc người dân, doanh nghiệp kiến nghị phản ánh tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc:
B.10.3. Kết quả xử lý vi phạm Chỉ thị 10	3	(Số người đã xử lý vi phạm Chỉ thị 10/ Tổng số người vi phạm) x 3 = điểm. Không có trường hợp xử lý: 0 điểm.		- Liệt kê các cá nhân đã xử lý vi phạm Chỉ thị 10 :
				- Liệt kê tổng số các cá nhân vi phạm Chỉ thị 10:

TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Thang điểm	CÁCH TÍNH ĐIỂM	Điểm tự đánh giá	YÊU CẦU TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG (Thời gian từ ngày 16/12/2022 đến ngày 31/12/2023)
C. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG	35			
C.1. Việc phát hiện hành vi tham nhũng	8			
C.1.1. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, giám sát, thanh tra.	3	(Số cuộc kiểm tra phát hiện hành vi tham nhũng/ Tổng số cuộc kiểm tra thực hiện) + (Số cuộc giám sát phát hiện hành vi tham nhũng/ Tổng số cuộc giám sát thực hiện) + (Số cuộc thanh tra phát hiện hành vi tham nhũng/ Tổng số cuộc thanh tra thực hiện) = điểm.		<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê cụ thể các cuộc kiểm tra phát hiện hành vi tham nhũng:.... - Liệt kê cụ thể các cuộc giám sát phát hiện hành vi tham nhũng:... - Liệt kê cụ thể các cuộc thanh tra phát hiện hành vi tham nhũng:..... - Báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra năm 2023 của UBND cấp huyện. - Báo cáo kết quả giám sát năm 2023.
C.1.2. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo.	2	(Số vụ việc giải quyết tin phản ánh phát hiện hành vi tham nhũng/ Tổng số tin phản ánh trong toàn tỉnh) + (Số vụ việc giải quyết đơn tố cáo phát hiện hành vi tham nhũng/ Tổng số đơn tố cáo trong toàn tỉnh) = điểm.		<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê cụ thể các vụ việc giải quyết tin phản ánh phát hiện hành vi tham:.... - Liệt kê cụ thể các cuộc giải quyết tố cáo phát hiện hành vi tham nhũng:.... - Báo cáo kết quả công tác xử lý tin phản ánh, giải quyết đơn tố cáo năm 2023.
C.1.3. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra, truy tố, xét xử	3	{(Số vụ án tham nhũng được khởi tố điều tra/ Tổng số vụ việc tố giác, tin báo tội phạm, kiến nghị điều tra tham nhũng) + (Số vụ án quyết định truy tố tội tham nhũng/ Tổng số vụ án đề nghị truy tố tội tham nhũng) + (Số vụ án tham nhũng đưa ra xét xử/ Tổng số vụ		Số liệu cụ thể về kết quả thực hiện của các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử trong năm 2023

TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Thang điểm	CÁCH TÍNH ĐIỂM	Điểm tự đánh giá	YÊU CẦU TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG (Thời gian từ ngày 16/12/2022 đến ngày 31/12/2023)
		án tiếp nhận liên quan tham nhũng)} x 7:3 = điểm.		
C.2. Việc xử lý tham nhũng	20			
C.2.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân do để xảy ra tham nhũng	5			
C.2.1.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức do để xảy ra tham nhũng.	2,5	(Số tổ chức đã xử lý kỷ luật do để xảy ra tham nhũng/ Tổng số tổ chức để xảy ra tham nhũng) x 2,5 = điểm.		- Liệt kê danh sách các tổ chức đã xử lý kỷ luật do để xảy ra tham nhũng. - Liệt kê danh sách tổ chức để xảy ra tham nhũng.
C.2.1.2. Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân có hành vi tham nhũng	2,5	(Số người có hành vi tham nhũng đã xử lý kỷ luật hành chính/ Tổng số người có hành vi tham nhũng đã phát hiện) x 2,5 = điểm.		- Liệt kê danh sách người có hành vi tham nhũng bị xử lý kỷ luật hành chính. - Liệt kê Tổng số người có hành vi tham nhũng đã phát hiện.
C.2.2. Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng	7,5			
C.2.2.1. Kết quả xử lý qua điều tra	2,5	(Số người cơ quan điều tra đề nghị truy tố về hành vi tham nhũng/ Tổng số người bị cơ quan điều tra khởi tố trong các vụ án liên quan tham nhũng) x 2,5 = điểm.		Số liệu cụ thể về kết quả thực hiện của các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử trong năm 2023
C.2.2.2. Kết quả xử lý qua truy tố	2,5	(Số người do Viện kiểm sát truy tố về hành vi tham nhũng/ Tổng số người có hành vi tham nhũng bị cơ quan điều tra đề nghị truy tố về hành vi tham nhũng) x 2,5 = điểm.		

TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Thang điểm	CÁCH TÍNH ĐIỂM	Điểm tự đánh giá	YÊU CẦU TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG (Thời gian từ ngày 16/12/2022 đến ngày 31/12/2023)
C.2.2.3. Kết quả xử lý qua xét xử	2,5	<i>(Số người do Tòa án kết án tội phạm tham nhũng/ Tổng số người do Viện kiểm sát truy tố về hành vi tham nhũng) x 2,5 = điểm.</i>		
C.2.3. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng.	7,5			Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày có kết luận, báo cáo chính thức của cơ quan hoặc người có thẩm quyền về vụ việc, vụ án tham nhũng hoặc từ ngày bản án về tham nhũng có hiệu lực pháp luật, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp có trách nhiệm xem xét xử lý kỷ luật hoặc báo cáo đề cấp có thẩm quyền xem xét xử lý kỷ luật đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm liên đới để xảy ra tham nhũng.
C.2.3.1. Hình thức khiển trách người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng chưa đến mức bị xử lý hình sự hoặc bị xử lý hình sự bằng hình thức phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm)	2,5	<i>(Số cơ quan đã xử lý khiển trách Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu/ Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng trên địa bàn) x 2,5 = điểm. Không có trường hợp xử lý: 0 điểm.</i>		- Liệt kê danh sách các cơ quan đã xử lý khiển trách Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu để xảy ra vụ việc tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị: ... - Liệt kê danh sách các cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng: ...

TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Thang điểm	CÁCH TÍNH ĐIỂM	Điểm tự đánh giá	YÊU CẦU TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG (Thời gian từ ngày 16/12/2022 đến ngày 31/12/2023)
C.2.3.2. Hình thức cảnh cáo người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 03 năm đến 07 năm)	2,5	(Số cơ quan đã xử lý cảnh cáo Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu/ Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng nghiêm trọng trên địa bàn) x 2,5 = điểm. Không có trường hợp xử lý: 0 điểm		- Liệt kê danh sách các cơ quan đã xử lý cảnh cáo Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu để xảy ra vụ việc tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị: ... - Liệt kê danh sách các cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng nghiêm trọng: ...
C.2.3.3. Hình thức cách chức người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng rất nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 07 năm đến 15 năm) hoặc đặc biệt nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 15 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình)	2,5	(Số cơ quan đã xử lý cách chức Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu/ Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng trên địa bàn) x 2,5 = điểm. Không có trường hợp xử lý: 0 điểm.		- Liệt kê danh sách các cơ quan đã xử lý cách chức Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu để xảy ra vụ việc tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị: - Liệt kê danh sách các cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng: ...
C.3. Kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN	7			
C.3.1. Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị (Điều 81 Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	(Số người đã xử lý vi phạm/ Tổng số người vi phạm) = điểm. Không có trường hợp xử lý: 0 điểm		- Liệt kê danh sách các cá nhân đã xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị. - Liệt kê danh sách tổng số người vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị.

TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Thang điểm	CÁCH TÍNH ĐIỂM	Điểm tự đánh giá	YÊU CẦU TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG (Thời gian từ ngày 16/12/2022 đến ngày 31/12/2023)
C.3.2. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn (Điều 82 Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	(Số người đã xử lý vi phạm/ Tổng số người vi phạm) = điểm. Không có trường hợp xử lý: 0 điểm		<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê danh sách các cá nhân đã xử lý vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn. - Liệt kê danh sách tổng số người vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn.
C.3.3. Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (Điều 83 Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	(Số người đã xử lý vi phạm/ Tổng số người vi phạm) = điểm. Không có trường hợp xử lý: 0 điểm		<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê danh sách các cá nhân đã xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị. - Liệt kê danh sách tổng số người vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.
C.3.4. Kết quả xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích (Điều 84 Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	(Số người đã xử lý vi phạm/ Tổng số người vi phạm) = điểm. Không có trường hợp xử lý: 0 điểm		<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê danh sách các cá nhân đã xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích. - Liệt kê danh sách tổng số người vi phạm quy định về xung đột lợi ích.
C.3.5. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác	1	(Số người đã xử lý vi phạm/ Tổng số người vi phạm) = điểm. Không có trường hợp xử lý: 0 điểm		<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê danh sách các cá nhân đã xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác. - Liệt kê danh sách tổng số người vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác.
C.3.6. Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng (Điều 85 Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	(Số người đã xử lý vi phạm/ Tổng số người vi phạm) = điểm. Không có trường hợp xử lý: 0 điểm		<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê danh sách các cá nhân đã xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng.

TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Thang điểm	CÁCH TÍNH ĐIỂM	Điểm tự đánh giá	YÊU CẦU TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG (Thời gian từ ngày 16/12/2022 đến ngày 31/12/2023)
				- Liệt kê danh sách tổng số người vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng.
C.3.7. Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN (Điều 20 Nghị định 130/2020/NĐ-CP)	1	(Số người đã xử lý vi phạm/ Tổng số người vi phạm) = điểm. Không có trường hợp xử lý: 0 điểm		- Liệt kê danh sách các cá nhân đã xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN. - Liệt kê danh sách tổng số người có hành vi vi phạm về kê khai TSTN.
D. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TIỀN, TÀI SẢN THAM NHƯNG	10			
D.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	5			
D.1.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra	3	(Số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra/ Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện qua công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra) x 3 = điểm.		- Liệt kê số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra theo từng vụ việc:.... - Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra:.....
D.1.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	2	(Số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh / Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh) x 2 = điểm.		- Liệt kê số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh theo từng vụ việc:.... - Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh:....

TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Thang điểm	CÁCH TÍNH ĐIỂM	Điểm tự đánh giá	YÊU CẦU TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG (Thời gian từ ngày 16/12/2022 đến ngày 31/12/2023)
D.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án	5			
D.2.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử	2,5	(Số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác điều tra, truy tố, xét xử/ Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện qua công tác điều tra, truy tố, xét xử) x 2,5 = điểm.		<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác điều tra, truy tố, xét xử theo từng vụ việc:.... - Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện qua công tác điều tra, truy tố, xét xử:.....
D.2.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác thi hành án	2,5	(Số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác thi hành án/ Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phải thu hồi theo bản án) x 2,5 = điểm.		<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác theo từng vụ việc:..... - Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phải thu hồi theo từng bản án:.....